

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 13/12/2015 của  
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Ngành : **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)**

Mã ngành : **60220315**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu tổng quát**

Đào tạo thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng nghiên cứu nhằm cung cấp nguồn nhân lực trình độ sau đại học có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng, có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực được đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**a. Về kiến thức:**

Có kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trên các lĩnh vực chủ yếu như: Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử công tác tư tưởng của Đảng, Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới...

**b. Về kỹ năng:**

- Thuần thục các thao tác sư phạm, xử lý tình huống trong giảng dạy lịch sử Đảng.
- Sử dụng thành thạo, phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng
- Sử dụng tốt các phương tiện dạy học hiện đại, các công cụ khai thác, tìm kiếm và xử lý thông tin, tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng.
- Có năng lực tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và quá trình xây dựng, hoạch định, thực hiện chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

**c. Về thái độ:**

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng;

- Có đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, lối sống lành mạnh, có hành động tích cực, chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Có thái độ khách quan, khoa học, trung thực, có năng lực và phương pháp đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, tích cực bảo vệ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Có tinh thần phê phán, đánh giá những vấn đề chính trị của thời đại và đất nước.

- Thực hiện đúng Điều lệ Đảng, giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, gắn bó chặt chẽ với quần chúng; có trách nhiệm và tình yêu nghề nghiệp.

### **1.3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp**

- Làm giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng, các học viện, các trường chính trị tỉnh trong cả nước.

- Làm giáo viên dạy Lịch sử hoặc Giáo dục công dân trong các trường phổ thông trên cả nước.

- Làm cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các cơ quan báo chí, nhà xuất bản ở trung ương và địa phương.

## **2. Yêu cầu đối với người dự tuyển**

Thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phải thoả mãn các điều kiện sau:

### **2.1. Điều kiện về văn bằng**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Lịch sử chuyên ngành khác và có Chứng nhận hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức tương đương trình độ cử nhân Lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp với các môn học sau đây:

|   |  |           |
|---|--|-----------|
| 1 | Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)  | 3 tín chỉ |
| 2 | Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954)          | 2 tín chỉ |
| 3 | Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975) | 3 tín chỉ |

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần: Triết học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản lý thể dục thể thao... và có Chứng nhận hoàn

thành các môn học bổ sung kiến thức tương đương trình độ cử nhân Lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp với các môn học sau đây:

|   |  |           |
|---|--|-----------|
| 1 | Phương pháp luận sử học  | 2 tín chỉ |
| 2 | Lịch sử Việt Nam   | 3 tín chỉ |
| 3 | Lịch sử thế giới   | 3 tín chỉ |
| 4 | Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)  | 3 tín chỉ |
| 5 | Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954)          | 2 tín chỉ |
| 6 | Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975) | 3 tín chỉ |

### **2.2. Điều kiện về thâm niên công tác**

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Lịch sử loại Khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Trường hợp bằng tốt nghiệp xếp loại khác phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng kí dự thi, kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Lịch sử phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng kí dự thi, kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

**2.3. Điều kiện về sức khoẻ:** Đủ sức khoẻ để học tập và công tác (có chứng nhận sức khỏe của Bệnh viện đa khoa).

**2.4. Điều kiện về hồ sơ:** Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng mẫu và đúng thời hạn quy định của Học viện.

### **3. Môn thi tuyển sinh**

Người dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phải tham dự kỳ thi tuyển sinh do Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức gồm các môn quy định như sau :

- **Môn chủ chốt ngành:** Phương pháp luận sử học
- **Môn chuyên ngành:** Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975)
- **Môn Ngoại ngữ.**

Miễn thi môn Ngoại ngữ: đối với thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, do các đơn vị cấp chứng chỉ được quy định dưới đây:

| TT | Ngoại ngữ        | Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu |  | Đơn vị cấp chứng chỉ  |
|----|------------------|---------------------------------|--|---|
|    |                  |                                 |  |   |
| 1  | Tiếng Anh        | IELTS                           | 4.5  | - British Council (BC)<br>- International Development Program (IDP)   |
|    |                  | TOEIC                           | 450  | - British Council (BC)<br>- Educational Testing Service (ETS)<br>- International Development Program (IDP)  |
|    |                  | Cambridge Exam                  | PET  |   |
|    |                  | BEC                             | Preliminary  |   |
|    |                  | BULATS                          | 40   |   |
|    | CEFR             | B1                              | - Học viện Báo chí và Tuyên truyền<br>- Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN<br>- Đại học Hà Nội |   |
| 2  | Tiếng Nga        | TRKI                            | Cấp độ 1   | Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)   |
| 3  | Tiếng Pháp       | - DELF<br>- TCF niveau          | - B1<br>- Cấp độ 3   | Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques – CIEP)  |
| 4  | Tiếng Trung Quốc | HSK                             | Cấp độ 3   | - Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban)<br>- Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) |

|   |            |      |           |  |
|---|------------|------|-----------|--|
| 5 | Tiếng Đức  | - ZD | B1        | Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA) |
| 6 | Tiếng Nhật | JLPT | Cấp độ N4 | Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)   |

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện sẽ thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực ngoại ngữ của các thí sinh, học viên đã có chứng chỉ. Kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét miễn thi đầu vào, đầu ra về ngoại ngữ tại Học viện.

- Thí sinh không thuộc diện miễn thi môn Ngoại ngữ phải tham dự kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ môn Tiếng Anh. Đề thi môn Tiếng Anh trình độ A2 (bộ phần thi nghe hiểu và thi nói) theo dạng thức đề B1 khung Châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### 4. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng;

- Chấp hành tốt nội quy, quy chế đào tạo của Học viện, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập; không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

#### 5. Nội dung chương trình

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

| TT                               | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng |           | Học phần tiên quyết |
|----------------------------------|-------------|--------------|------------|--------------------|-----------|---------------------|
|                                  |             |              |            | Lý thuyết          | Thực hành |                     |
| <b>5.1. Khối kiến thức chung</b> |             |              | <b>14</b>  |                    |           |                     |

|   |           |  |             |     |     |  |
|---|-----------|--|-------------|-----|-----|--|
| 1                                       | CHTM01001 | Triết học  | 4,0         | 3,5 | 0,5 |  |
| 2                                       | CHTG01002 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học                               | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 3                                       | CHCT01003 | Chính trị học  | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 4                                       | CHNN01004 | Ngoại ngữ  | 6,0         | 5,0 | 1,0 |  |
| <b>5.2. Khối kiến thức cơ sở ngành</b>  |           |  | <b>13</b>   |     |     |  |
| <b>5.2.1. Cơ sở ngành bắt buộc</b>      |           |  | <b>9</b>    |     |     |  |
| 5                                       | CHLS02001 | Tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.Lênin về Đảng Cộng sản | 3,0         | 2,0 | 1,0 |  |
| 6                                       | CHLS02003 | Tác phẩm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản                          | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 7                                       | CHLS02005 | Lịch sử thế giới (chuyên đề)                                       | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 8                                       | CHLS02006 | Lịch sử Việt Nam (chuyên đề)                                       | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| <b>5.2.2. Cơ sở ngành tự chọn</b>       |           |  | <b>4/8</b>  |     |     |  |
| 9                                       | CHLS02002 | Lý luận và phương pháp luận sử học                                 | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 10                                      | CHLS02004 | Dân tộc học (nâng cao)   | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 11                                      | CHLS02006 | Các nước công nghiệp mới ở Châu Á                                  | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| 12                                      | CHLS02008 | Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX                            | 2,0         | 1,5 | 0,5 |  |
| <b>5.3. Khối kiến thức chuyên ngành</b> |           |  | <b>18</b>   |     |     |  |
| <b>5.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</b>     |           |  | <b>12</b>   |     |     |  |
| 13                                      | CHLS03001 | Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam                            | 3,0         | 2,0 | 1,0 |  |
| 14                                      | CHLS03003 | Đảng lãnh đạo công tác tư tưởng                                    | 3,0         | 2,0 | 1,0 |  |
| 15                                      | CHLS03005 | Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân                   | 3,0         | 2,0 | 1,0 |  |
| 16                                      | CHLS03007 | Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa                           | 3,0         | 2,0 | 1,0 |  |
| <b>5.3.2. Chuyên ngành tự chọn</b>      |           |  | <b>6/12</b> |     |     |  |

|  |           |   |           |     |     |  |
|--|-----------|---|-----------|-----|-----|--|
| 17                                       | CHLS03002 | Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới          | 3,0       | 2,0 | 1,0 |  |
| 18                                       | CHLS03004 | Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới           | 3,0       | 2,0 | 1,0 |  |
| 19                                       | CHLS03006 | Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển văn hóa - xã hội thời kỳ đổi mới | 3,0       | 2,0 | 1,0 |  |
| 20                                       | CHLS03008 | Đảng lãnh đạo hoạt động đối ngoại thời kỳ đổi mới                   | 3,0       | 2,0 | 1,0 |  |
| <b>5.4. Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp</b> |           |   | <b>15</b> |     |     |  |
| <b>Tổng</b>                              |           |   | <b>60</b> |     |     |  |

**GIÁM ĐỐC**

Đã ký

**PGS, TS. Trương Ngọc Nam**